

QUYẾT ĐỊNH

Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu

quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Ban Dân tộc tỉnh tại Tờ trình số 641/TTr-BDT ngày 09/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban Dân tộc tỉnh

a) Chủ trì tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo) quản lý, điều hành, triển khai thực hiện Chương trình; xây dựng Đề án thực hiện giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch hằng năm triển khai thực hiện Chương trình.

b) Căn cứ nhu cầu và đề xuất của các ngành và địa phương, chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xây dựng kế hoạch vốn thực hiện từng Dự án, Tiểu dự án của Chương trình, tham mưu UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh theo đúng quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch phân bổ vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước trung hạn, hằng năm theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định; gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp, trình UBND tỉnh.

d) Hướng dẫn, triển khai thực hiện các Dự án, Tiểu dự án theo nhiệm vụ của ngành được UBND tỉnh giao nhiệm vụ.

đ) Thực hiện theo dõi, kiểm tra, tổng hợp; tham mưu sơ kết, tổng kết, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Chương trình theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Trên cơ sở đề nghị của Ban Dân tộc tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, cân đối và tham mưu UBND tỉnh phân bổ vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021 -2025 và hằng năm cho các Sở, Ban, ngành của tỉnh và UBND các huyện thực hiện Chương trình theo đúng quy định.

b) Phối hợp, hướng dẫn các Sở, Ban, ngành liên quan và UBND cấp huyện

thụ hưởng Chương trình: lập kế hoạch thực hiện trung hạn, hằng năm; lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, đề án đã và đang triển khai trên địa bàn tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác; thực hiện dự án đầu tư xây dựng được áp dụng cơ chế đặc thù.

c) Thực hiện giám sát Chương trình theo quy định tại khoản 5, Điều 30 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

3. Sở Tài chính

a) Đề xuất cân đối kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình hằng năm của giai đoạn 2021 - 2025.

b) Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí sự nghiệp cho các cơ quan, đơn vị và địa phương để thực hiện Chương trình trên cơ sở tổng hợp đề xuất của Ban Dân tộc tỉnh.

c) Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện các nội dung, hoạt động, dự án của Chương trình theo đúng quy định.

d) Phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình; theo dõi, tổng hợp và báo cáo cấp thẩm quyền kết quả giải ngân kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình.

4. Sở Xây dựng

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình; thẩm định các dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định của pháp luật.

b) Hướng dẫn quy trình, thủ tục quản lý chất lượng thi công, nội dung, định mức chi phí thực hiện công tác bảo trì công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù theo Điều 38 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

c) Phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định về Quy trình duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2030.

d) Kiểm tra công tác quản lý chất lượng công trình; đánh giá các dự án đầu tư xây dựng thuộc chương trình.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì chấm điểm theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức, đề xuất phân bổ vốn thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10 Chương trình gửi về Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp.

b) Hướng dẫn thực hiện nội dung thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại Tiểu dự án 1, nội dung Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10 và trực tiếp thực hiện nội dung “Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và

đảm bảo an ninh trật tự” của Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10 Chương trình theo nhiệm vụ của ngành được UBND tỉnh giao.

c) Thực hiện kiểm tra, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các nội dung nêu trên của Tiểu dự án 1, Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10 Chương trình.

đ) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo, pháp luật và các địa phương về tính chính xác các thông tin, số liệu thực hiện nhiệm vụ của ngành được UBND tỉnh giao.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, chấm điểm theo tiêu chí, định mức, đề xuất phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Tiểu dự án 1 (phát triển kinh tế nông lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân) thuộc Dự án 3 Chương trình, gửi Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp. Xây dựng kế hoạch vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm của Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 Chương trình, gửi Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp.

b) Hướng dẫn, triển khai thực hiện nội dung hoạt động Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 Chương trình; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện, gửi Ban Dân tộc theo định kỳ và đột xuất.

c) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo, pháp luật và các địa phương về tính chính xác các thông tin, số liệu, kế hoạch kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 Chương trình do Sở cung cấp cho Ban Dân tộc tỉnh.

7. Sở Y tế

a) Chủ trì, chấm điểm theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức, đề xuất phân bổ vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp thực hiện Dự án 7; nội dung số 2 (đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý) thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 3 Chương trình, gửi Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp. Xây dựng kế hoạch vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm thực hiện dự án 7 (chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em); nội dung số 2 (đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý) thuộc Tiểu dự án 2 Dự án 3 Chương trình, gửi Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp.

b) Hướng dẫn, triển khai thực hiện nội dung hoạt động Dự án 7; nội dung số 2 thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 3 Chương trình; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện gửi Ban Dân tộc tỉnh theo định kỳ và đột xuất.

c) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo, pháp luật và các địa phương về tính chính xác các thông tin, số liệu, kế hoạch vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm thực hiện dự án 7; nội dung số 2 thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 3 Chương trình do Sở cung cấp cho Ban Dân tộc tỉnh.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, chấm điểm theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức, đề xuất phân bổ vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp thực hiện Tiểu dự án 1 (đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số) thuộc Dự án 5 của Chương trình, gửi Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp. Xây dựng kế hoạch vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 5 của Chương trình, gửi Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp.

b) Hướng dẫn, triển khai thực hiện các nội dung hoạt động Tiểu dự án 1, Dự án 5 và nội dung bồi dưỡng kiến thức dân tộc (đối tượng cán bộ, công chức, viên chức ngành Giáo dục - Đào tạo) thuộc Tiểu dự án 2, Dự án 5 của Chương trình; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện gửi Ban Dân tộc tỉnh theo định kỳ và đột xuất.

c) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo về tính chính xác các thông tin, số liệu, kế hoạch vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm thực hiện Chương trình do Sở cung cấp cho Ban Dân tộc tỉnh.

9. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, chấm điểm theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức, đề xuất phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 5 Chương trình, gửi Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp. Xây dựng kế hoạch vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm thực hiện Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 5 Chương trình, gửi Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp.

b) Hướng dẫn, triển khai thực hiện nội dung hoạt động Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 5 Chương trình; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện gửi Ban Dân tộc tỉnh theo định kỳ và đột xuất.

c) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo, pháp luật và các địa phương về tính chính xác các thông tin, số liệu kế hoạch vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm thực hiện Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 5 Chương trình do Sở cung cấp cho Ban Dân tộc tỉnh.

10. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, chấm điểm theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức, đề xuất phân bổ vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp thực hiện Dự án 6. Xây dựng kế hoạch vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm thực hiện Dự án 6 Chương trình, gửi Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp.

b) Hướng dẫn, triển khai thực hiện nội dung hoạt động Dự án 6 Chương trình; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện gửi Ban Dân tộc tỉnh theo định kỳ và đột xuất.

c) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo, pháp luật và các địa phương về tính chính xác các thông tin, số liệu, kế hoạch vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm thực hiện Dự án 6 Chương trình do Sở cung cấp cho Ban Dân tộc tỉnh.

11. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh

a) Chủ trì, chăm điểm theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức, đề xuất phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Dự án 8 của Chương trình. Xây dựng kế hoạch vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm thực hiện Dự án 8 Chương trình, gửi Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh.

b) Hướng dẫn, triển khai thực hiện nội dung hoạt động dự án 8 Chương trình; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện gửi Ban Dân tộc tỉnh theo định kỳ và đột xuất.

c) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo, pháp luật và các địa phương về tính chính xác các thông tin, số liệu, kế hoạch vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm thực hiện Dự án 8 Chương trình do Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh cung cấp cho Ban Dân tộc tỉnh.

12. Sở Công Thương

a) Chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung: Hỗ trợ thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc nội dung số 3 Tiểu dự án 2 Dự án 3 Chương trình và nội dung số 2: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Tiểu dự án 1 Dự án 4 Chương trình.

b) Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện gửi Ban Dân tộc tỉnh theo định kỳ và đột xuất.

c) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo, pháp luật và các địa phương về tính chính xác các thông tin, số liệu thực hiện nhiệm vụ của ngành được UBND tỉnh giao.

13. Liên minh Hợp tác xã tỉnh

a) Chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung: Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Tiểu dự án 2 Dự án 10 Chương trình.

b) Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện gửi Ban Dân tộc tỉnh theo định kỳ và đột xuất.

c) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo, pháp luật và các địa phương về tính chính xác các thông tin, số liệu thực hiện nhiệm vụ của ngành được UBND tỉnh giao.

14. Các Sở, Ban, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan

a) Hướng dẫn triển khai thực hiện nội dung theo chức năng, nhiệm vụ của

ngành. Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện gửi Ban Dân tộc tỉnh theo định kỳ và đột xuất.

b) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo, pháp luật và các địa phương về tính chính xác các thông tin, số liệu thực hiện nhiệm vụ, chức năng của ngành.

15. UBND các huyện thụ hưởng Chương trình

a) Xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm để thực hiện từng Dự án, Tiểu dự án đảm bảo đúng đối tượng, phạm vi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định.

b) Sử dụng nguồn lực đầu tư của Chương trình cùng với các chương trình khác để xây dựng nông thôn mới, trong đó ưu tiên cho các xã đặc biệt khó khăn phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; đồng thời thực hiện đúng theo quy định về cơ chế đầu tư cơ sở hạ tầng tại khoản 1, Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc.

c) Lồng ghép nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện bảo đảm đồng bộ, không chồng chéo, không trùng lặp với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

d) Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình với cơ quan chủ quản Chương trình tỉnh theo đúng quy định.

đ) Chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo và pháp luật về tính chính xác các thông tin, số liệu, tiến độ, kết quả, hiệu quả nguồn vốn được giao thực hiện Chương trình thuộc phạm vi quản lý.

e) Tổ chức sơ kết, tổng kết và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện thụ hưởng Chương trình và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, Hội, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện thụ hưởng Chương trình;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KGVX, KTTH, KTN_(TH).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Anh Tuấn